

Nền kinh tế mở trong dài hạn

1. Đến đây, chúng ta đã có được một bức tranh của nền kinh tế vĩ mô gần như toàn diện trong dài hạn, bao gồm:

- Y được quyết định bởi K , L và công nghệ.
- r được quyết định bởi cân bằng trong thị trường vốn vay
- **Tăng trưởng Y** phụ thuộc vào tăng trưởng dân số và tiến bộ công nghệ
- P phụ thuộc vào M , và π được xác định bởi tốc độ tăng trưởng của M

Nhưng chúng ta vẫn chưa xét đến ngoại thương.

2. Một số thực tế:

- Thế giới ngày càng trở nên hội nhập về kinh tế thông qua mở rộng ngoại thương. Hơn 30 năm qua, ngoại thương trên thế giới đã tăng với tốc độ gấp đôi tốc độ tăng trưởng GDP {khoảng 11% sản lượng thế giới được xuất khẩu năm 1965; đến năm 1995, là khoảng 22%}
- Trong một nghiên cứu gần đây, Sachs và Warner xem xét mức độ mở cửa và phát triển: họ tìm thấy giữa 1970 vào 1990, các nền kinh tế đang phát triển mở cửa và hiệu quả hơn đã tăng trưởng với tốc độ bình quân hàng năm là 4,5% trong khi những nền kinh tế khác mặc dù có mở cửa nhưng lại kèm theo nhiều hạn chế đối với ngoại thương nên tăng trưởng bình quân hàng năm chỉ đạt 0,7%.
- Việt Nam ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào ngoại thương (xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn 2-3 lần so với tốc độ tăng trưởng của GDP, còn nhập khẩu là 2-4 lần)

Năm 1996, xuất khẩu đạt 30% GDP, nhập khẩu là 47% GDP; nên thâm hụt thương mại là 17% GDP. [So với Mỹ: xuất khẩu đạt 11%, nhập khẩu là 12%].

Để tài trợ cho khoản thâm hụt thương mại này, Việt Nam đã vay các nước khác trên thế giới.

Điều này cho thấy sự kết nối chặt chẽ giữa các luồng hàng hóa và dịch vụ với những dòng tài chính giữa các nước. Công việc đầu tiên trong chương này là làm sáng tỏ mối quan hệ trên. Sau đó, kết hợp yếu tố phức tạp này vào mô hình xác định thu nhập dài hạn cơ bản (cổ điển). Cuối cùng, chúng ta sẽ phát triển một lý thuyết dài hạn về tỉ giá hối đoái.

3. GDP là thước đo sản xuất trong nước. Trong một nền kinh tế mở, **hạch toán thu nhập quốc dân phải bổ sung thêm khu vực xuất khẩu** (cầu nước ngoài đối với sản

xuất trong nước) và **trừ đi nhập khẩu** (cầu trong nước đối với sản xuất ở nước ngoài). Hay:

$$(a) Y = C + I + G + NX$$

4. **Viết lại (a) thành $Y - C - G = I + NX$ và nhớ lại $Y - C - G = S^1$**

Nên:

$$(b) NX = S - I$$

- a. **NX là cán cân thương mại**. $NX > 0 \rightarrow$ **thặng dư thương mại** [Ghi chú: nếu $NX < 0$, phải đi vay từ nước ngoài để bù chênh lệch giữa nhập khẩu và xuất khẩu]
- b. **$S - I$ là đầu tư nước ngoài ròng (NFI)**. $(S - I) > 0 \rightarrow S$ **cao hơn I, có thể cho nước ngoài vay**. [Ghi chú: nếu $(S - I) < 0$, vay nước ngoài bù khoảng chênh lệch]
- c. **Cán cân thương mại và đầu tư nước ngoài ròng phải bằng nhau**. Thâm hụt thương mại ($NX < 0$) hay tương đương ($S - I < 0$ hay $S < I$) [2 mặt của một đồng xu]
- d. **Chú ý:** ý nghĩa của điều này đối với những kết quả một quốc gia tăng thâm hụt ngân sách của chính phủ (DEF). Giả sử chúng ta bắt đầu với thương mại cân bằng, $NX=0$. Thì một sự tăng lên của G (hay giảm T), sẽ:

Tăng DEF (tăng thâm hụt ngân sách) $\rightarrow$ giảm S. Để trở lại cân bằng, một (hoặc một số) điều sau đây phải xảy ra:

- i. **Giảm NX**; hay tăng thâm hụt thương mại $\rightarrow$ tăng vay nước ngoài để tài trợ thâm hụt
- ii. **Giảm I**. Cũng có nghĩa là tăng sự lấn ép (giảm) đầu tư để tài trợ cho thâm hụt
- e. Tương tự, tăng NX đòi hỏi tăng S hay giảm I.
- f. Thâm hụt thương mại có xấu hay không? Không nhất thiết.

5. Trong một nền kinh tế đóng [chương 3] không có giao dịch thương mại với phần còn lại của thế giới (ROW) thì không có đầu tư nước ngoài; tương tự, cân bằng giữa I và S là do r quyết định. Bất kỳ điều gì làm thay đổi I hay S đều ảnh hưởng đến r. Bây giờ ta xem xét một nền kinh tế mở và có qui mô nhỏ.

a. Mở: (có nghĩa là)

- **Có hoạt động thương mại và đầu tư nước ngoài [$NX \neq 0$ và $S \neq I$]**
- **Những thay đổi của nền kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng lên nền kinh tế nội địa (đặc biệt là những thay đổi của lãi suất thế giới, r^*)**

¹ Đầy đủ hơn là: $[(Y-T) - C] + [T-G] = Y - C - G = Sp + Sg = Sd$ hay S

b. Nhỏ → những thay đổi trong nền kinh tế nội địa không có tác động đến ROW
(đặc biệt là đối với r^*). **Nên**

• $r = r^*$

[Mỹ có nền kinh tế lớn và mở. Phân tích phù hợp đối với một nền kinh tế mở qui mô lớn nằm đâu đó giữa mô hình nền kinh tế mở, nhỏ ở chương này và nền kinh tế đóng ở chương 3; xem thêm phụ lục cuối chương sách Mankiw để hiểu rõ hơn]

6. Giả định quan trọng **mới**: lãi suất trong một nền kinh tế mở và nhỏ không phải do I và S nội địa quyết định; nó được “**ấn định**” theo mức hiện hành trên thế giới, r^* . [r^* hình thành từ I và S của thế giới]

a. Cung:

$$Y = \bar{Y} = F(\bar{K}, \bar{L}) \quad \rightarrow \text{tương tự nền kinh tế đóng}$$

b. Cầu:

$$C = \bar{C} = C(\bar{Y} - \bar{T}) \quad \rightarrow \text{tương tự nền kinh tế đóng}$$

$$I = I(r^*) \quad \rightarrow r \text{ bây giờ cố định tại mức } r^*$$

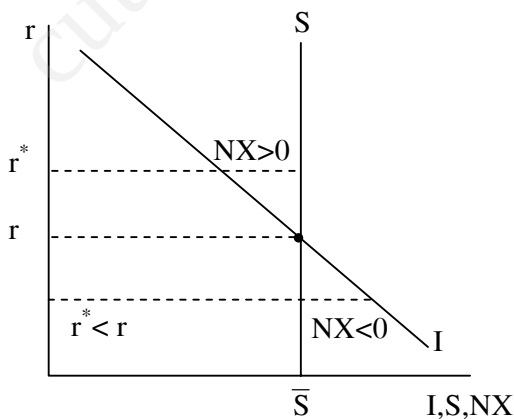
Các thành phần phía cầu: $C + I + G + NX$

c. Cân bằng:

$$NX = (Y - C - G) - I(r^*) = S - I(r^*) \quad [\text{nhớ lại cách tiếp cận vốn vay}]$$

- d. Như vậy, S được quyết định bởi các biến số ngoại sinh, I phụ thuộc vào r^* , và NX là chênh lệch giữa hai biến số này [điều gì đảm bảo rằng cán cân thương mại và đầu tư nước ngoài ròng bằng nhau? Đó là tỉ giá hối đoái. Chúng ta sẽ bàn sau]

Đồ thị:

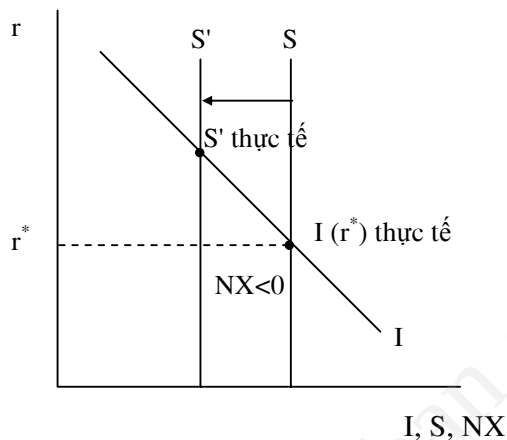


Nếu $S > I$ tại r^* , thì $NX > 0$ (thặng dư thương mại)

7. Các tác động của chính sách lên cán cân thương mại. Hãy bắt đầu bằng thương mại cân bằng ($NX=0$):

- a. Điều gì xảy ra nếu tăng G (hay giảm T) hay DEF xuất hiện? → giảm S

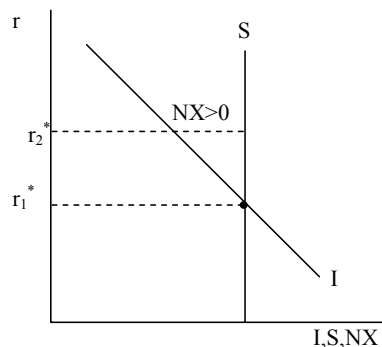
Tăng DEF → giảm $(S-I)$, và giảm NX ; thâm hụt thương mại hay cán cân thương mại xấu đi



[Điều này khẳng định phát biểu ở trên của chúng ta, đó là I cho trước (và không đổi vì r^* không đổi), tăng thâm hụt ngân sách chính phủ đòi hỏi phải có tăng thâm hụt thương mại]

Điều này giúp chúng ta hiểu được vấn đề "**thâm hụt kép**" ở Mỹ và các nước khác.

- b. Điều gì xảy ra nếu tăng I (ví dụ, ưu đãi tín dụng, thuế đầu tư)? Vì S cố định, NX phải giảm (hay xuất hiện thâm hụt thương mại) [với S cố định, tăng I phải có tài trợ từ nước ngoài]
- c. Điều gì xảy ra nếu ROW (hay một nước lớn) tăng thâm hụt ngân sách chính phủ của họ? → tăng r^* (ngoại sinh đối với nền kinh tế nội địa)



Tăng $r^* \rightarrow$ giảm I (hay tăng NX , $NX > 0$)

8. Điều gì đảm bảo cán cân thương mại (NX) = đầu tư nước ngoài ròng (S - I)? Đó là tỉ giá hối đoái thực.

- a. Xét hai trạm xăng nằm hai bên biên giới giáp ranh của nước A (nước nhà) và B (nước ngoài):

$$P_A = 1000\text{đ/lít và } P_B = 100\text{p/lít} \rightarrow \text{ta sẽ mua ở đâu?}$$

Tùy vào **tỉ giá hối đoái danh nghĩa (e): cần bao nhiêu đồng (đ) để mua được 1 pesos (p).**

$$e = \# \text{ đồng/1peso}$$

- i. Nếu $e = 10\text{đ/p}$, thì giá xăng tính bằng đ ở nước B là

$$e.P_B = (10\text{đ/p}).(100\text{p/lít}) = 1000\text{đ/lít} = P_A$$

- ii. Bây giờ giả sử $e = 12\text{đ/p}$. Thì giá xăng bằng đ ở B là

$$e.P_B = (12\text{đ/p}).(100\text{p/lít}) = 1200\text{đ/lít} > P_A$$

$\therefore$ Sẽ có khuynh hướng mua xăng ở A (xuất khẩu sang B), miễn là không tồn tại rào cản thương mại

- iii. Bây giờ, trở lại e ban đầu $= 10\text{đ/p}$ nhưng giả định P_A tăng lên 1250đ/lít . Thì

$$P_A/e = (1250\text{đ/lít})/(10\text{đ/p}) = 125\text{p/lít} > P_B \therefore \text{mua ở B (nhập khẩu từ B) dù } e \text{ không thay đổi}$$

- b. Vậy quyết định mua ở đâu, hay $\therefore$ NX, phụ thuộc vào giá tương đối sử dụng cùng đơn vị đo lường (chẳng hạn đ). Giá tương đối của hàng hóa ở hai nước này chính là tỉ giá hối đoái thực (ε).

$$\varepsilon = \frac{eP_B}{P_A} \text{ [hàng lấy hàng, lít xăng ở A đổi lấy lít xăng ở B]}$$

- c. Khái quát hơn, chúng ta tổng gộp:

- Xét tất cả hàng hóa & dịch vụ (không chỉ là xăng)
- Xét ROW cùng một lúc (không chỉ là nước B)

$$\varepsilon = \frac{eP^*}{P}$$

Trong đó P = Mức giá nội địa

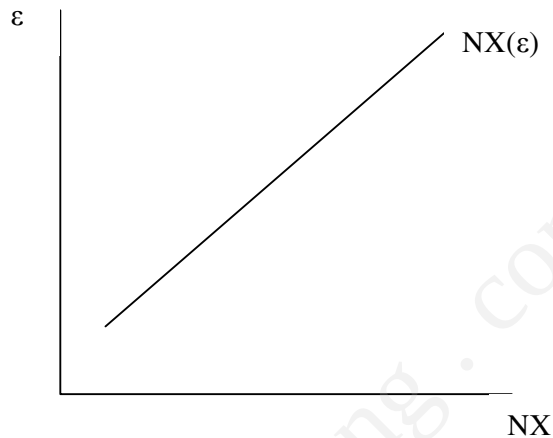
P^* = Mức giá nước ngoài (ROW)

e = Tỉ giá hối đoái danh nghĩa (số nội tệ đổi 1 đơn vị ngoại tệ, hay nôm na là giá của 1 đơn vị ngoại tệ theo nội tệ) [chỉ số

tỷ giá hối đoái có tính đến "trọng số thương mại (trade-weighted)]

d. Kết luận: $NX = NX(\epsilon) \rightarrow$ hàm số xuất khẩu ròng

Biểu diễn trên đồ thị:



9. Tỷ giá hối đoái thực điều chỉnh để đảm bảo $NX = S - I$ (cân cân thương mại = đầu tư nước ngoài ròng) [Tỷ giá hối đoái thả nổi trong dài hạn]

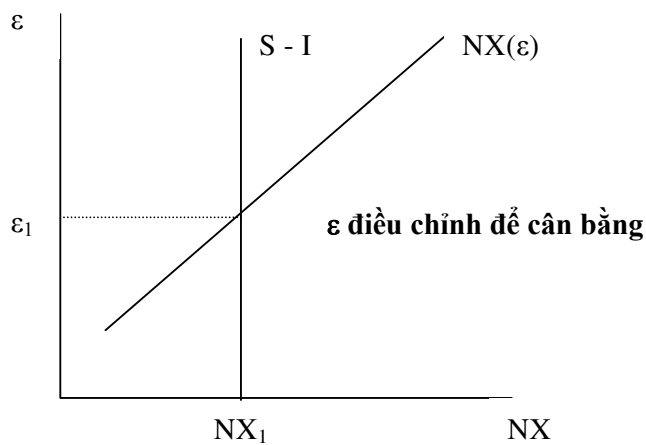
a. Chúng ta biết rằng $NX(\epsilon) = S - I(r^*)$

- Vì S cố định tại S và r cố định tại r^* , ϵ phải điều chỉnh để đảm bảo cân bằng.

b. Phương trình cân cân thương mại cũng có thể được lý giải như một điều kiện cân bằng trong thị trường ngoại hối:

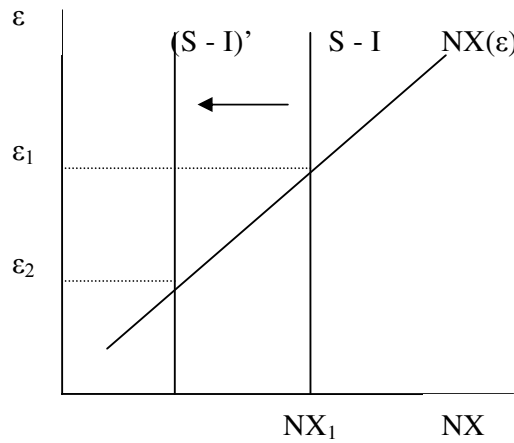
Cầu (ròng) về nội tệ của người nước ngoài (NX) = **cung (ròng) nội tệ** cho người nước ngoài ($S - I$)

Biểu diễn trên đồ thị:



10. Tác động của những thay đổi chính sách lên ε

a. Điều gì xảy ra nếu tăng G (hay giảm T)? $\rightarrow$ giảm S



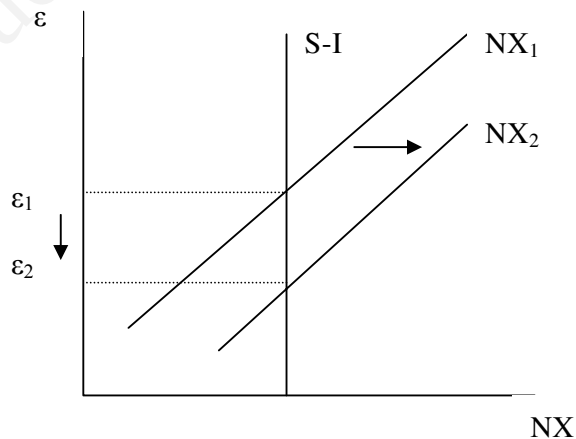
Tăng DEF $\rightarrow$ giảm $(S-I)$ và
do vậy giảm ε , kéo theo
giảm NX

b. Điều gì xảy ra nếu tăng I (chẳng hạn tín dụng, thuế đầu tư)? tăng $I \rightarrow$ giảm $(S-I)$ và $\therefore$ giảm $\varepsilon \rightarrow$ giảm NX (từ đó tái lập cân bằng)

c. Điều gì xảy ra nếu ROW (một nước lớn khác) tăng **thâm hụt ngân sách chính phủ**?

$\rightarrow$ Tăng $r^* \therefore \downarrow I$ dẫn tới $\rightarrow$ tăng $(S-I)$ và $\therefore$ tăng $\varepsilon \rightarrow$ tăng NX (từ đó khôi phục mức cân bằng)

d. Điều gì xảy ra nếu chính phủ nội địa áp dụng thuế quan hay hạn ngạch nhập khẩu? Điều này sẽ làm **giảm nhập khẩu** và, do đó, tăng NX (dịch chuyển đường NX sang phải)



Kết quả của biện pháp hạn chế thương mại:**(1) Giảm ε** **(2) Không có thay đổi trong cán cân thương mại****(3) Khối lượng thương mại giảm [giảm nhập khẩu do hạn định, giảm xuất khẩu do $\uparrow \varepsilon$]**

[Chẳng hạn thuế quan làm tăng giá tương đối của hàng nhập khẩu; bù lại bởi giảm ε và làm tăng giá tương đối của hàng xuất khẩu]

Những hạn định về thương mại không thể làm giảm thâm hụt thương mại vì chúng không ảnh hưởng đến S hay I

11. Chúng ta đã xem xét việc xác định tỉ giá hối đoái thực, tiếp theo là tỉ giá hối đoái danh nghĩa.

$$\varepsilon = \frac{eP^*}{P} \Rightarrow e = \frac{\varepsilon P}{P^*}$$

Vậy, **e phụ thuộc vào ε , P và P^*** . [tăng $P^* \rightarrow$ giảm e; tăng P $\rightarrow$ tăng e]

Sử dụng các kết quả tốc độ tăng trưởng, chúng ta có

$$\% \Delta e = \% \Delta \varepsilon + (\pi - \pi^*)$$

Do đó:

- (1) **Nếu π^* tăng (tương đối so với π), nội tệ (d) sẽ tăng giá** (hay, tiền d sẽ mua được nhiều ngoại tệ hơn).
- (2) **Nếu π tăng (tương đối so với π^*), nội tệ (d) sẽ giảm giá** (hay, tiền d sẽ mua được ít ngoại tệ hơn).

Bằng chứng rõ nhất là đối với các nước đang trải qua lạm phát cao (ngay cả nếu họ cố gắng cố định tỉ giá hối đoái)

12. Quy luật một giá $\rightarrow$ ngang bằng sức mua (PPP) (The Law of One Price and Purchasing Power Parity): Nếu quy luật một giá đúng thì tỉ giá hối đoái thực ε phải = 1, hàng hóa được đo lường cùng đơn vị (do tình trạng kinh doanh chênh lệch giá -- arbitrage)

Mặc dù rất hữu ích như là một hướng dẫn dài hạn về những biến động của tỉ giá hối đoái danh nghĩa (suy ra $e = P/P^*$), PPP vẫn thất bại vì

- Không phải tất cả hàng hóa đều được ngoại thương (dịch vụ cắt tóc, nhà ở)
- Hàng hóa không đồng nhất (Toyotas so với Chevrolets)

- Sở thích đối với hàng hóa nội địa so với hàng hóa nước ngoài
- Tồn tại những hạn chế và rào cản thương mại

cuu duong than cong . com